

Tên:

Lớp: S2...

Ngày làm bài: Thứ....., ngày...../.....



GLOBAL ENGLISH 2

Unit 3: Ready, steady, go - Grammar 1 & Starters Reading and Writing

❖ Extra vocabulary

No	Word	Meaning
1	point (v)	chỉ, trỏ
2	kitchen (n)	nhà bếp

**Note: n = noun: danh từ; v = verb: động từ.*

Con học thuộc nghĩa của từ, chỉnh phát âm theo từ điển và chép mỗi từ **1 ĐỒNG vào vở ghi.*

❖ Reading and Writing

Part 5 – 5 questions

Look at the pictures and read the questions. Put the given words in the blanks.

mother	grandfather	painting
kitchen	kite	



Examples

- Where is Grandpa?
- How many children are there?

in the car

two

1. What is on the car?



2. Which room are the children in? the _____
3. Who's pointing to the clock? the children's _____



4. What are the children doing now? _____
5. Who is sitting with the children? _____

Tên:

Ngữ pháp:

Lớp: S2...

Đọc & Viết:

Ngày giao bài: Thứ..., ngày.../....

Ngày nộp bài: Thứ..., ngày.../....



GLOBAL ENGLISH 2

Unit 3: Ready, steady, go - Grammar 1 & Starters Reading and Writing

A. GRAMMAR: Present continuous (Hiện tại tiếp diễn)

- Cách dùng:** Được sử dụng để diễn tả một sự việc hoặc hành động xảy ra ngay lúc chúng ta nói hoặc xung quanh thời điểm nói.
- Dấu hiệu nhận biết:**
 - + Hành động đang diễn ra: now, right now, at the moment
 - + Hành động diễn ra xung quanh thời điểm nói: this week, this month, today

Positive (Khẳng định)	Negative (Phủ định)	Yes/No question (Câu hỏi Yes/No)	Short answer (Câu trả lời ngắn)
I am reading. (Tôi đang đọc.)	I am not reading. (Tôi đang không đọc.)	Am I reading? (Tôi đang đọc à?)	→ Yes, you are. (Có, bạn đang đọc.) → No, you aren't. (Không, bạn đang không đọc.)
You are singing. (Bạn đang hát.)	You are not singing. (Bạn đang không hát.)	Are you singing? (Bạn đang hát à?)	→ Yes, I am. (Có, tôi đang hát.) → No, I am not. (Không, tôi đang không hát.)
We are dancing. (Chúng ta đang nhảy.)	We are not dancing. (Chúng ta đang không nhảy.)	Are we dancing? (Chúng ta đang nhảy à?)	→ Yes, we are. (Có, chúng ta đang nhảy.) → No, we aren't. (Không, chúng ta đang không nhảy.)
They are writing. (Họ đang viết.)	They are not writing. (Họ đang không viết.)	Are they writing? (Họ đang viết à?)	→ Yes, they are. (Có, họ đang viết.) → No, they aren't. (Không, họ đang không viết.)
He is reading. (Anh ấy đang đọc.)	He is not reading. (Anh ấy đang không đọc.)	Is he reading? (Anh ấy đang đọc à?)	→ Yes, he is. (Có, anh ấy đang đọc.) → No, he isn't. (Không, anh ấy đang không đọc.)
She is singing. (Cô ấy đang hát.)	She is not singing. (Cô ấy đang không hát.)	Is she singing? (Cô ấy đang hát à?)	→ Yes, she is. (Có, cô ấy đang hát.) → No, she isn't. (Không, cô ấy đang không hát.)
It is dancing. (Nó đang nhảy.)	It is not dancing. (Nó đang không nhảy.)	Is it dancing? (Nó đang nhảy à?)	→ Yes, it is. (Có, nó đang nhảy.) → No, it isn't. (Không, nó đang không nhảy.)

Lưu ý	'm = am	's = is	're = are	isn't = is not	aren't = are not
-------	---------	---------	-----------	----------------	------------------

B. EXTRA VOCABULARY

No	Word	Meaning	No	Word	Meaning
1	dive (v)	lặn, nhảy xuống nước	3	elephant (n)	con voi
2	giraffe (n)	con hươu cao cổ			

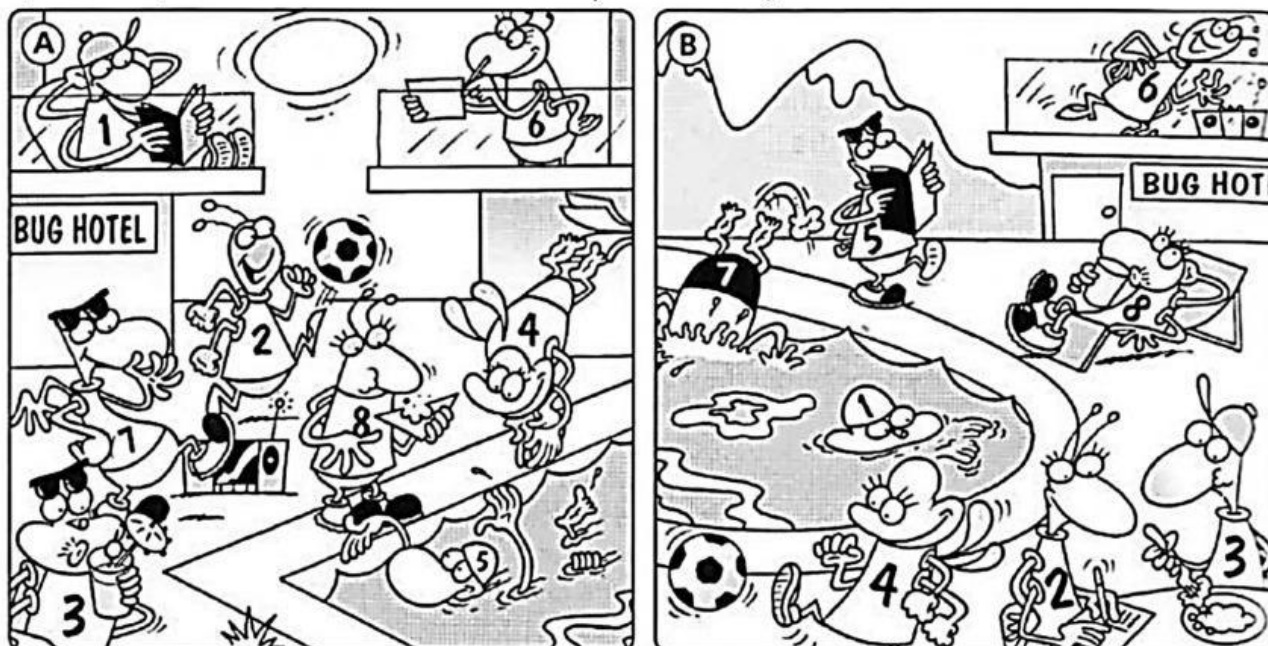
*Note: n = noun: danh từ; v = verb: động từ.

*Con học thuộc nghĩa của từ, chính phát âm theo từ điển và chép mỗi từ 1 ĐỒNG vào vở ghi.

C. HOMEWORK

Exercise 1. Read and decide if the statement describes picture A or picture B.

(Đọc và xác định xem câu miêu tả bức tranh A hay bức tranh B.)



0. Bug 1: He's swimming.	A	☒ B	4. Bug 5: He's reading.	A	B
1. Bug 2: She's playing football.	A	B	5. Bug 6: She's writing.	A	B
2. Bug 3: He's eating.	A	B	6. Bug 7: He's dancing.	A	B
3. Bug 4: She's diving.	A	B	7. Bug 8: She's drinking.	A	B

Exercise 2. Circle the correct answers. (Khoanh tròn đáp án đúng.)

0. He is going / go
to work today.



3. He is not eating
/ eat now.



1. He are talking /
is talking now.



4. Is the baby
sleeping / sleep?



2. They isn't dance
/ aren't dancing.



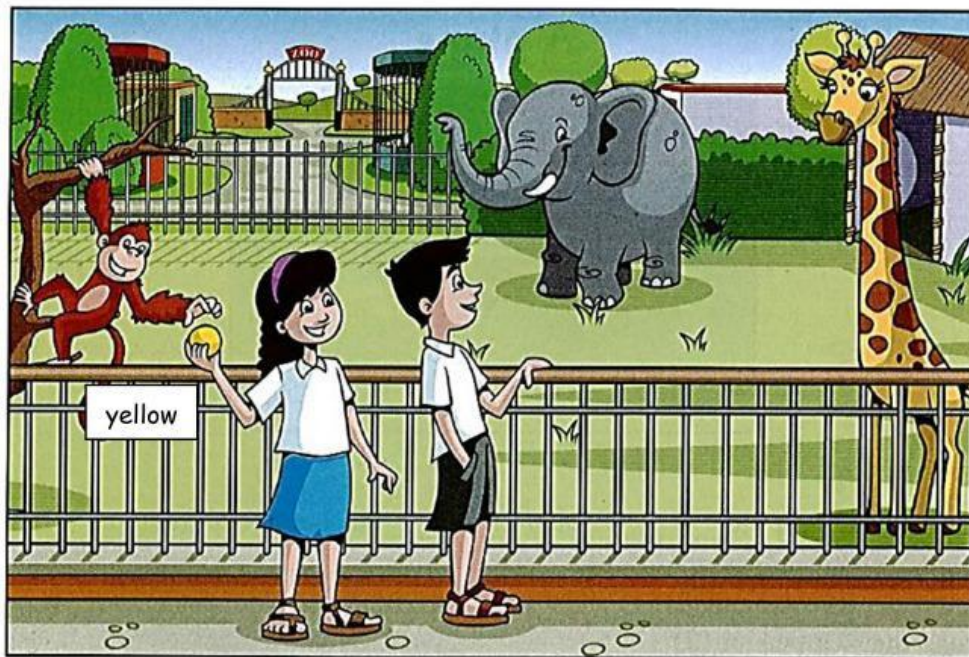
5. Is / Are Mary
studying?



Part 5 – 5 questions

Look at the pictures and read the questions. Put the given words in the blanks.

monkey	boy	ball
yellow	elephant	



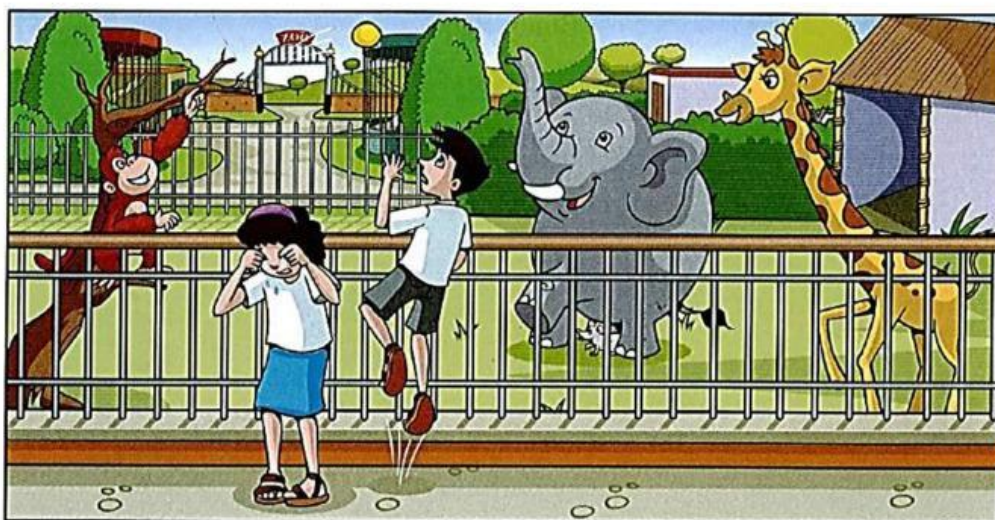
Examples

- Where are the children?
- How many animals are there?

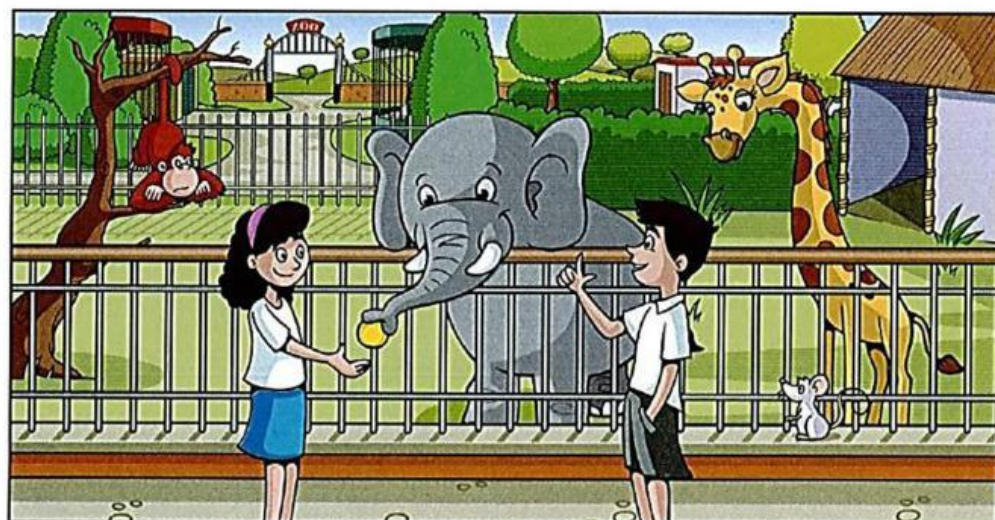
at the zoo

three

1. What colour is the ball?



2. Which animal is throwing the ball? the _____
 3. Where is the mouse? under the _____



4. Who is pointing at the elephant? the _____
 5. What has the elephant got? the girl's _____